

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHANG MINH GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/GKM-CBTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Khang Minh Group thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã được soát xét 6 tháng năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

- Mã chứng khoán: GKM
- Địa chỉ: KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.32002988
- Fax: 024.22207181 - Website: <https://khangminhgroup.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC đã soát xét 6 tháng năm 2023
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

- BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét 6 tháng năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được soát xét 6 tháng đầu năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/08/2023 tại đường dẫn: <https://khangminhgroup.com/quan-he-co-dong/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong 6 tháng năm 2023: Không có

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);.....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC được soát xét 6 tháng năm 2023

- Văn bản giải trình chênh lệch giữa Doanh thu và lợi nhuận sau thuế thay đổi từ 10% so với cùng kỳ và Chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau soát xét.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký tên, đóng dấu)



ĐẶNG VIỆT LÊ



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 54

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khang Minh Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Khang Minh Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0700510750 ngày 23/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 31/05/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 08/08/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

- Trụ sở chính : KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại : 0271 3819 786

Công ty hiện đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã giao dịch là: GKM.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Việt Lê	Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hưng Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên
Ông Phạm Nghiêm Việt Dũng	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Cao Thị Thương	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Đức	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Việt Hà	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tiềm	Phó Giám đốc phụ trách SX và thiết bị

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau: Ông Đặng Việt Lê - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (sinh ngày 19/10/1974; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 và tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nhận định của Hội đồng quản trị, ngoài các sự kiện đã trình bày tại Thuyết minh 9.5, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty.

6. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Hội đồng quản trị cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, tình hình hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

8. Cam kết về công bố thông tin

Hội đồng quản trị cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Đặng Lê Việt

Chủ tịch hội đồng quản trị

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023



Số: 082/2023/BCSXHN-PB.00518

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khang Minh Group

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khang Minh Group (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.5.1 – Các khoản phải thu ngắn hạn khác: Công ty ký hợp đồng đặt cọc với 01 cá nhân nhằm mục đích thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần. Số tiền đặt cọc đến ngày 30/06/2023 là 78.927.000.000 VND.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính vào ngày 12 tháng 08 năm 2022 và ngày 22 tháng 03 năm 2023.



ĐẶNG NGỌC KHÁNH

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2505 - 2019 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM -
CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01a – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		406.201.992.658	381.224.864.029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.849.630.931	52.552.027.931
1. Tiền	111		12.849.630.931	52.552.027.931
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		343.530.724.577	258.957.567.636
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	180.826.770.125	195.246.304.311
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	37.211.624.907	41.427.940.844
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	9.770.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	115.722.329.545	22.283.322.481
IV. Hàng tồn kho	140		39.003.094.622	51.889.286.458
1. Hàng tồn kho	141	5.6	39.003.094.622	51.889.286.458
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.818.542.528	17.825.982.004
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	981.982.348	2.101.348.356
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.958.145.832	7.736.275.685
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	7.878.414.348	7.988.357.963
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		242.209.691.988	250.677.853.043
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		90.247.500.000	90.247.500.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	90.000.000.000	90.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	247.500.000	247.500.000
II. Tài sản cố định	220		90.581.260.769	95.583.996.246
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	82.367.758.762	86.875.474.043
- Nguyên giá	222		133.028.581.959	131.846.763.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.660.823.197)	(44.971.289.734)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	7.844.903.539	8.319.534.703
- Nguyên giá	225		9.492.623.273	9.492.623.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.647.719.734)	(1.173.088.570)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	368.598.468	388.987.500
- Nguyên giá	228		547.560.000	507.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(178.961.532)	(118.012.500)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.12	30.379.081.515	31.508.174.571
- Nguyên giá	231		42.872.413.754	42.872.413.754
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(12.493.332.239)	(11.364.239.183)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		83.933.370	1.555.332.755
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	83.933.370	1.555.332.755
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.14	2.200.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.200.000.000	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.717.916.334	28.782.849.471
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	28.569.878.609	28.782.849.471
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.15	148.037.725	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		648.411.684.646	631.902.717.072

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 01a – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		314.948.843.525	301.033.942.199
I. Nợ ngắn hạn	310		234.512.469.006	209.682.715.680
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.16	54.262.608.944	45.794.038.998
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.17	13.663.413.049	4.847.929.690
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	16.128.760.970	16.190.419.007
4. Phải trả người lao động	314		1.578.785.868	3.335.330.798
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	2.289.726.336	1.979.201.915
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	2.790.161.323	2.004.726.950
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	143.799.012.516	135.531.068.322
II. Nợ dài hạn	330		80.436.374.519	91.351.226.519
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	80.436.374.519	91.351.226.519
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		333.462.841.121	330.868.774.873
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.21	333.462.841.121	330.868.774.873
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		261.952.400.000	238.139.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		261.952.400.000	238.139.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.466.059.091	8.556.059.091
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.361.722.931	61.349.924.351
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		37.536.524.351	43.289.165.864
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.825.198.580	18.060.758.487
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		22.682.659.099	22.823.791.431
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		648.411.684.646	631.902.717.072



Người lập biểu
Hoàng Thị Hải Yến
Hà Nam, Việt Nam
Ngày 29 tháng 08 năm 2023



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Duyên



Chủ tịch hội đồng quản trị
Đặng Việt Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 02a – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2023	Từ ngày 01/01/2022
			đến ngày 30/06/2023	đến ngày 30/06/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	205.028.005.848	118.423.880.905
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		205.028.005.848	118.423.880.905
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	172.204.577.007	83.168.922.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		32.823.428.841	35.254.958.864
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.136.278.715	4.501.572.283
7. Chi phí tài chính	22	6.4	15.640.329.203	11.266.506.485
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		15.004.814.051	10.259.202.050
8. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	8.333.577.928	11.283.135.006
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	10.141.870.479	4.770.987.230
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		5.843.929.946	12.435.902.426
12. Thu nhập khác	31	6.7	3.011	23.989.158
13. Chi phí khác	32	6.8	997.711.105	349.612.672
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(997.708.094)	(325.623.514)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.846.221.852	12.110.278.912
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.232.437.471	2.607.875.968
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(148.037.725)	(115.897.651)
18. Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.761.822.106	9.618.300.595
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		2.825.198.580	9.601.566.234
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(63.376.474)	16.734.361
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	108	403
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11	90	403

Người lập biểu
Hoàng Thị Hải Yến
Hà Nam, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Duyên



Chủ tịch hội đồng quản trị
Đặng Việt Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 03a – DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2023	Từ ngày 01/01/2022
		đến ngày 30/06/2023	đến ngày 30/06/2022
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.846.221.852	12.110.278.912
2. Điều chỉnh cho các khoản		22.358.632.461	11.939.518.048
- Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	02	7.354.206.715	6.181.888.281
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(388.305)	(4.501.572.283)
- Chi phí lãi vay	06	15.004.814.051	10.259.202.050
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	27.204.854.313	24.049.796.960
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(69.063.121.198)	(55.612.475.271)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12.886.191.836	(46.504.480.014)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17.227.168.895	13.091.932.278
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.332.336.870	(2.046.753.500)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(14.694.289.630)	(8.650.253.935)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.704.018.585)	(446.396.165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(27.810.877.499)	(76.118.629.647)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & TSDH khác	21	(275.000.000)	(9.740.292.552)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác	22	-	7.852.950.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(9.770.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	800.000.000	6.100.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	388.305	1.572.283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.244.611.695)	2.214.229.731
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	14.700.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	130.758.760.701	146.555.333.712
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(133.271.616.507)	(98.032.400.448)
4. Trả tiền nợ gốc thuê tài chính	35	(134.052.000)	(134.052.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.646.907.806)	63.088.881.264
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(39.702.397.000)	(10.815.518.652)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	52.552.027.931	65.078.252.362
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.849.630.931	54.262.733.710

Người lập biểu
Hoàng Thị Hải Yến
Hà Nam, Việt Nam

Ngày 29 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Duyên



Chủ tịch hội đồng quản trị
Đặng Việt Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khang Minh Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0700510750 ngày 23/09/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 31/05/2023, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 08/08/2023 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 314.342.370.000 VND (Ba trăm mười bốn tỷ, ba trăm bốn mươi hai triệu, ba trăm bảy mươi nghìn đồng); Tổng số cổ phần là 31.434.237 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/01 cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2023 là: 261.952.400.000 đồng (Hai trăm sáu mươi một tỷ, chín trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất gạch không nung các loại; gạch ốp lát cao cấp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh	Thị trấn Kiện Khê, Thanh Liêm, Hà Nam	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	99,64%	99,64%
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	KCN Châu Sơn, p. Lê Hồng Phong, Tp. Phủ Lý, Hà Nam	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	51,00%	51,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

Các Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Đầu tư HG	Tầng 9, 47 Phan Chu Trinh, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	0,48%	0,48%
Công ty Cổ phần Công nghệ Internet Chiếc Ô Xanh	Cụm 9, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, Tp. Hà Nội	Bán buôn thực phẩm	5,00%	5,00%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 tổng số nhân viên của Công ty là 141 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 204 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Cho kỳ kế toán này, Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và kế toán khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình

bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Khang Minh Group và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.9 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	03 – 12

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm kế toán	05
Tài sản cố định vô hình khác	05 - 10

4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Cơ sở hạ tầng	06 – 15

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.15 Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế XK được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

4.18 Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính

theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.20 Chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.21 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính dựa trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ phải thu, phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi các khoản thuế đó liên quan trực tiếp đến khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khi tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được quản lý cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

4.23 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.24 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	9.996.561.169	2.199.010.102
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.853.069.762	50.353.017.829
Cộng	12.849.630.931	52.552.027.931

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	180.826.770.125	195.246.304.311
Công ty TNHH Thương mại Thành Lâm	12.743.390.702	12.743.390.702
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Sinh Hùng 68	2.000.132.000	2.000.132.000
Công ty CP Đá ốp lát Hưng Thịnh	40.137.731.096	32.411.480.016
Công ty CP Vật liệu xây dựng Bảo Minh Khang	38.715.814.457	30.090.776.306
Công ty Cổ phần Viễn Đông Granite	3.295.652.170	3.295.652.170
Công ty TNHH Thương mại và Vật liệu xây dựng Phát Đạt	-	14.713.118.609
Công ty CP Cửa Sunspace	-	14.597.349.562
Các khách hàng khác	83.934.049.700	85.394.404.946
Cộng	180.826.770.125	195.246.304.311

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	37.211.624.907	41.427.940.844
Công ty CP Đầu tư Phát triển DV và TM Hoàng Minh	10.159.039.326	8.000.000.000
Công ty CP Thương mại và Xuất nhập khẩu Hồng Việt	12.996.705.604	24.521.328.604
Công ty Cổ phần Keyone Việt Nam	10.447.760.050	-
Trả trước cho khách hàng khác	3.608.119.927	8.906.612.240
Cộng	37.211.624.907	41.427.940.844

5.4 Phải thu về cho vay**5.4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.770.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Vật liệu Xây dựng Phát Đạt (i)	9.770.000.000	-
Cộng	9.770.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.4.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn (tiếp theo)

(i) Khoản vay theo hợp đồng số: 3006/2023/HĐCV/KMQ-PHAT DAT ngày 30/06/2023 của Công ty Cổ Phần Đá Thạch Anh Khang Minh và Công ty TNHH Thương mại và Vật liệu Xây dựng Phát Đạt

- Tổng số tiền vay: 9.770.000.000 đồng (Chín tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu đồng)
- Mục đích vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh
- Lãi suất: 10%/năm tính từ ngày nhận tiền
- Thời hạn vay: 06 tháng

Thời hạn thanh toán gốc và lãi: Thanh toán tiền gốc vay và lãi vay vào cuối kỳ vay

5.4.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đại An (i)	45.000.000.000	45.000.000.000
Công ty Cổ phần ĐTPT dịch vụ và thương mại Hoàng Minh (ii)	45.000.000.000	45.000.000.000
Cộng	90.000.000.000	90.000.000.000

(i) Khoản cho vay theo Hợp đồng số 2812/2022/HĐCV ngày 28/12/2022 giữa Công ty Cổ phần Khang Minh Group và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Đại An với các điều khoản như sau:

- Số tiền vay: 45.000.000.000 VND;
- Thời hạn vay: 18 tháng;
- Lãi suất vay: 18%/ năm;
- Thời hạn trả gốc: Vào ngày đáo hạn;
- Hình thức đảm bảo khoản vay: Tín chấp;
- Số dư khoản cho vay tại ngày 30/06/2023 là: 45.000.000.000 VND.

(ii) Khoản cho vay theo hợp đồng số: 2512/2022/HĐCV ngày 25/12/2022 giữa Công ty Cổ Phần Đá Thạch Anh Khang Minh và Công ty Cổ phần ĐTPT dịch vụ và thương mại Hoàng Minh kèm theo phụ lục 2512/2022/HĐCV/PL01 và phụ lục hợp đồng 2512/2022/HĐCV/PL02 với các điều khoản như sau:

- Tổng số tiền vay: 45.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Phục vụ cho hoạt động kinh doanh;
- Lãi suất: Từ ngày 28/12/2022 đến 31/03/2023 là 18%/năm tính từ ngày nhận tiền vay. Từ ngày 01/04/2023 đến ngày 27/06/2024 lãi suất cho vay là 10%/năm;
- Thời hạn vay: 18 tháng;
- Thời gian thanh toán gốc và lãi: Tiền lãi được trả vào kỳ cuối cùng của hợp đồng vay. Khi đáo hạn, bên vay không trả đủ vốn và lãi cho bên cho vay, tổng số vốn và lãi còn thiếu sẽ chuyển sang nợ quá hạn và chịu lãi suất tính theo nợ quá hạn là 24%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	115.722.329.545	-	22.283.322.481	-
Tạm ứng	28.960.000.000	-	15.760.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh BĐS Đại An	4.016.712.328	-	-	-
Nguyễn Hồ Hưng (i)	78.927.000.000	-	-	-
Bà Trần Thị Miền	-	-	48.318.182	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	454.853.455	-	571.249.454	-
Công ty TNHH MTV sơn bột Đông Tai Việt Nam	-	-	5.708.908.618	-
Công ty Cổ phần ĐTPT dịch vụ và thương mại Hoàng Minh - Tiền Lãi	3.207.945.205	-	88.767.123	-
cho vay	155.818.557	-	106.079.104	-
Phải thu đối tượng khác				
Cộng	115.722.329.545	-	22.283.322.481	-

(i) Số tiền đã chuyển theo hợp đồng đặt cọc ngày 21/06/2023 giữa ông Nguyễn Hồ Hưng (bên A) và Công ty Cổ phần Khang Minh Group (bên B) với các nội dung như sau:

- Bên A đồng ý chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam đang sở hữu sang cho bên B. Hai bên thống nhất tiến hành đặt cọc để đảm bảo nghĩa vụ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam;
- Tiền cọc sẽ được bù trừ với tiền thanh toán giá trị chuyển nhượng cổ phần khi hai bên ký kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần;
- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được ký kết trong vòng 07 tháng sau khi bên B hoàn tất nghĩa vụ chuyển tiền đặt cọc.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Bên B đã chuyển 78.927.000.000 VND cho Bên A.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	247.500.000	-	247.500.000	-
Ký quỹ, ký cược	247.500.000	-	247.500.000	-
Cộng	247.500.000	-	247.500.000	-

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.319.876.361	-	16.284.471.008	-
Công cụ, dụng cụ	545.316.025	-	1.556.496.838	-
Thành phẩm	6.121.238.030	-	27.052.219.732	-
Hàng hóa	13.016.664.206	-	6.996.098.880	-
Cộng	39.003.094.622	-	51.889.286.458	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	573.604.019	1.900.774.077
Chi phí trả trước khác	408.378.329	200.574.279
Cộng	981.982.348	2.101.348.356

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí sửa chữa văn phòng Hà Nội	697.947.471	788.984.097
Chi phí công cụ, dụng cụ	4.912.277.259	4.715.773.370
Chi phí bồi thường giải phóng, san lấp mặt bằng	22.281.511.343	22.569.575.537
Chi phí trả trước dài hạn khác	678.142.536	708.516.467
Cộng	28.569.878.609	28.782.849.471

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.8 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	30/06/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	4.829.449.276	-	1.299.800.640	1.080.873.125	4.610.521.761
Thuế thu nhập cá nhân	290.248.385	-	68.271.691	42.226.823	264.203.517
Thuế TNDN	10.829.769.972	-	2.235.289.356	2.704.018.585	11.301.351.086
Thuế môn bài	-	-	13.000.000	13.000.000	-
Tiền thuế đất (i)	164.950.694	7.878.414.348	276.199.812	4.157.388	7.985.506.078
Các loại thuế khác	14.342.643	-	-	-	14.342.643
Cộng	16.128.760.970	7.878.414.348	3.892.561.499	3.844.275.921	7.988.357.963

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa và dịch vụ là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động của Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Tiền thuế đất

(i) Tiền thuế đất phải thu thực tế là tiền đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã trả trước và được trừ dần vào tiền thuế đất phải nộp hàng năm.

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Cơ quan thuế có các quyết định liên quan đến việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn. Lý do bị cưỡng chế: người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền chậm nộp thuế quá 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các cơ quan thuế để giải quyết vấn đề còn tồn đọng nêu trên.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư tại ngày 01/01/2023	40.334.628.569	77.250.965.410	12.280.409.085	1.250.997.941	729.762.772	131.846.763.777
- Mua trong kỳ	-	1.181.818.182	-	-	-	1.181.818.182
- Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	556.219.096	556.219.096
- Giảm do phân loại lại	-	-	-	(556.219.096)	-	(556.219.096)
Số dư tại ngày 30/06/2023	40.334.628.569	78.432.783.592	12.280.409.085	694.778.845	1.285.981.868	133.028.581.959
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại ngày 01/01/2023	14.387.999.024	22.837.027.493	6.517.023.314	592.422.744	636.817.159	44.971.289.734
- Khấu hao trong kỳ	1.394.975.476	3.527.380.172	618.458.701	51.298.410	97.420.704	5.689.533.463
- Tăng do phân loại lại	-	50.625.000	-	-	274.113.178	324.738.178
- Giảm do phân loại lại	-	-	-	(324.738.178)	-	(324.738.178)
Số dư tại ngày 30/06/2023	15.782.974.500	26.415.032.665	7.135.482.015	318.982.976	1.008.351.041	50.660.823.197
Giá trị còn lại						
- Tại ngày 01/01/2023	25.946.629.545	54.413.937.917	5.763.385.771	658.575.197	92.945.613	86.875.474.043
- Tại ngày 30/06/2023	24.551.654.069	52.017.750.927	5.144.927.070	375.795.869	277.630.827	82.367.758.762
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
- Tại ngày 01/01/2023	3.002.677.133	2.660.607.980	370.000.000	37.772.722	36.400.000	6.107.457.835
- Tại ngày 30/06/2023	6.086.511.105	2.660.607.980	370.000.000	37.772.722	36.400.000	9.191.291.807
Giá trị còn lại TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay						
- Tại ngày 01/01/2023	23.327.855.854	24.215.225.077	1.784.630.157	-	-	49.327.711.088
- Tại ngày 30/06/2023	22.641.434.606	22.276.169.791	1.678.337.145	-	-	46.595.941.542

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2023	9.492.623.273	9.492.623.273
- Mua trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2023	9.492.623.273	9.492.623.273
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.173.088.570	1.173.088.570
- Khấu hao trong kỳ	474.631.164	474.631.164
Số dư tại ngày 30/06/2023	1.647.719.734	1.647.719.734
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2023	8.319.534.703	8.319.534.703
- Tại ngày 30/06/2023	7.844.903.539	7.844.903.539
Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
- Tại ngày 01/01/2023	-	-
- Tại ngày 30/06/2023	-	-
Giá trị còn lại TSCĐ thuê tài chính dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay		
- Tại ngày 01/01/2023	8.319.534.703	8.319.534.703
- Tại ngày 30/06/2023	7.844.903.539	7.844.903.539

Thông tin chi tiết về tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính tại Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh bao gồm:

(1) 01 bộ Trạm biến áp 1.000kVA-35/0,4kV đã qua sử dụng của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.064/2021/TSC-CTTC ngày 02 tháng 06 năm 2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/07/2021 với các điều khoản như sau:

- Tài sản thuê tài chính là 01 bộ Trạm biến áp 1.000kVA-35/0,4kV, xuất xứ Việt Nam, sản xuất năm 2020, đã qua sử dụng (Bao gồm 01 Máy biến áp TBĐ Đông Anh Hà Nội 1.000kVA-35(22)/0,4kV; 01 Tủ điện trọn bộ 0,4kV-1600A và 01 Tủ bù tự động 400kVAr, bù tự động 6 cấp) với tổng giá trị (đã bao gồm thuế GTGT) là 809.000.000 VND trong đó số tiền trả trước là 175.600.000 VND, Giá trị thuê là 633.400.000 VND;
- Thời hạn thuê là 48 tháng tính từ thời điểm nhận nợ;
- Tổng số tiền phải trả trong năm 2023 là: 193.266.346 VND trong đó số tiền gốc phải trả là 161.880.000 VND, lãi tiền vay phải trả là: 31.386.346 VND;
- Biện pháp đảm bảo tài sản: Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh thực hiện chuyển cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam một khoản tiền ký cược ký quỹ. Khoản tiền này sẽ được hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền thuê;
- Nếu hết thời hạn thuê, trong trường hợp không xảy ra các hành vi vi phạm hợp đồng giữa hai bên đồng thời các bên đã hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng. Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh có quyền mua lại toàn bộ tài sản thuê tài chính là máy móc thiết bị đã thuê với giá mua lại 2.500.000 VND.

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính (tiếp theo)

(2) 01 Máy phát điện công suất liên tục 350kVA đã qua sử dụng của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.063/2021/TSC-CTTC ngày 02 tháng 06 năm 2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/07/2021 với các điều khoản như sau:

- Tài sản thuê tài chính là 01 Máy phát điện công suất liên tục 350kVA, lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2010, đã qua sử dụng với giá trị (đã bao gồm thuế GTGT) là 520.000.000 VND trong đó số tiền trả trước là 104.000.000 VND, Giá trị thuê là 416.000.000 VND;
- Thời hạn thuê là 48 tháng tính từ thời điểm nhận nợ;
- Tổng số tiền phải trả trong năm 2023 là: 126.817.091 VND trong đó số tiền gốc phải trả là 106.224.000 VND, lãi tiền vay phải trả là: 20.593.091 VND;
- Biện pháp đảm bảo tài sản: Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh thực hiện chuyển cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam một khoản tiền ký cược ký quỹ. Khoản tiền này sẽ được hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền thuê;
- Nếu hết thời hạn thuê, trong trường hợp không xảy ra các hành vi vi phạm hợp đồng giữa hai bên đồng thời các bên đã hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng. Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh có quyền mua lại toàn bộ tài sản thuê tài chính là máy móc thiết bị đã thuê với giá mua lại 1.600.000 VND.

Tài sản cố định thuê tài chính tại Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh bao gồm:

Hệ thống dây chuyền sơn tĩnh điện đã qua sử dụng của Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.138/2021/TSC-CTTC ngày 02 tháng 06 năm 2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/07/2021 với các điều khoản như sau:

- Tài sản thuê tài chính là) 01 Hệ thống dây chuyền sơn tĩnh điện (Bao gồm Thiết bị phun sơn tĩnh điện; Buồng phun và thu hồi bột sơn; Hệ thống lò sấy sản phẩm; Hệ thống lò sấy khô; Băng tải; Hệ thống tủ điện điều khiển trung tâm PLC) với tổng giá trị (đã bao gồm thuế GTGT) là 9.122.285.600 VND trong đó số tiền trả trước ban đầu là 1.912.285.000 VND, Số tiền gốc còn lại phải trả là 7.210.000.600 VND;
- Thời hạn thuê là 60 tháng tính từ thời điểm nhận nợ;
- Tổng số tiền phải trả trong năm 2023 là: 1.963.503.050 VND trong đó số tiền gốc phải trả là 1.464.408.000 VND, lãi tiền vay phải trả là: 499.095.050 VND;
- Biện pháp đảm bảo tài sản: Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh thực hiện chuyển cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam một khoản tiền ký cược ký quỹ. Khoản tiền này sẽ được hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền thuê;
- Nếu hết thời hạn thuê, trong trường hợp không xảy ra các hành vi vi phạm hợp đồng giữa hai bên đồng thời các bên đã hoàn thành nghĩa vụ trong hợp đồng. Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh có quyền mua lại toàn bộ tài sản thuê tài chính là hệ thống dây chuyền sơn tĩnh điện đã thuê với giá mua lại 19.200.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	
	VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2023	507.000.000	507.000.000
- Mua trong kỳ	40.560.000	40.560.000
Số dư tại ngày 30/06/2023	547.560.000	547.560.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2023	118.012.500	118.012.500
- Khấu hao trong kỳ	60.949.032	60.949.032
Số dư tại ngày 30/06/2023	178.961.532	178.961.532
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2023	388.987.500	388.987.500
- Tại ngày 30/06/2023	368.598.468	368.598.468
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
- Tại ngày 01/01/2023	-	-
- Tại ngày 30/06/2023	-	-

5.12 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	01/01/2023 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ	
			VND	30/06/2023 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	42.872.413.754	-	-	42.872.413.754
- Cơ sở hạ tầng	42.872.413.754	-	-	42.872.413.754
+ Nhà cửa vật kiến trúc	42.431.504.663			42.431.504.663
+ Tài sản cố định khác	440.909.091			440.909.091
Giá trị hao mòn lũy kế	11.364.239.183	1.129.093.056	-	12.493.332.239
- Cơ sở hạ tầng	11.364.239.183	1.129.093.056	-	12.493.332.239
+ Nhà cửa vật kiến trúc	10.923.330.092	1.129.093.056		12.052.423.148
+ Tài sản cố định khác	440.909.091			440.909.091
Giá trị còn lại	31.508.174.571	-	1.129.093.056	30.379.081.515
- Cơ sở hạ tầng	31.508.174.571	-	1.129.093.056	30.379.081.515
+ Nhà cửa vật kiến trúc	31.508.174.571		1.129.093.056	30.379.081.515
+ Tài sản cố định khác	-	-	-	-
Nguyên giá tài sản là bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
- Cơ sở hạ tầng	9.569.991.963			9.569.991.963
+ Nhà cửa vật kiến trúc	9.129.082.872			9.129.082.872
+ Tài sản cố định khác	440.909.091			440.909.091

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Khoản mục	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công trình trạm nghiền đá	-	16.678.300
Xây dựng cơ bản dở dang	83.933.370	1.538.654.455
Nhà kho, nhà xưởng	-	563.185.561
Hạng mục khác	83.933.370	975.468.894
Cộng	83.933.370	1.555.332.755

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.14 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	2.200.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư HG	1.200.000.000	-	(i)	2.000.000.000	-	(i)
Công ty CP Công nghệ Internet Chiéc Ô Xanh	1.000.000.000	-	(i)	1.000.000.000	-	(i)
Cộng	2.200.000.000	-	-	3.000.000.000	-	-
Giá trị hợp lý						

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác

Các giao dịch với công ty liên doanh, liên kết và đầu tư dài hạn khác được trình bày ở Thuyết minh số 9.1.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.15 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chênh lệch sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	740.188.629	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	148.037.725	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	148.037.725	-

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	52.762.608.944	52.762.608.944	44.294.038.998	44.294.038.998
Công ty TNHH XD và PTTM Nguyễn Minh	-	-	10.000.000	10.000.000
Công ty Cổ phần Đoàn Minh Công	680.000.000	680.000.000	680.000.000	680.000.000
Công ty TNHH MTV sơn bột Đông Tai Việt Nam	2.965.661.624	2.965.661.624	2.982.658.549	2.982.658.549
Công ty CP tài nguyên Đông Bắc	8.689.618.612	8.689.618.612	8.689.618.612	8.689.618.612
Công ty TNHH khai thác đá Xuân Tùng	9.941.565.843	9.941.565.843	9.391.367.270	9.391.367.270
Công ty TNHH Phương Lâm	4.999.507.719	4.999.507.719	4.999.507.719	4.999.507.719
Công ty CP Cơ khí và Vật liệu xây dựng Phú Nguyễn	3.834.872.805	3.834.872.805	4.234.872.805	4.234.872.805
Công ty Cổ phần Nhôm và Cơ khí Xây lắp Việt Pháp	5.471.685.447	5.471.685.447	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ An Hưng	3.527.894.782	3.527.894.782	-	-
Phải trả khác	12.651.802.112	12.651.802.112	13.306.014.043	13.306.014.043
Cộng	54.262.608.944	54.262.608.944	45.794.038.998	45.794.038.998

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.17 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Người mua trả trước là các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả trước là các khách hàng khác</i>	13.663.413.049	4.847.929.690
Công ty TNHH TWINS BROSI	-	174.944.380
Công ty Cổ phần Xây dựng sản xuất và Thương mại Đại Sàn	141.876.475	-
Công ty TNHH Thương mại và VLXD Phát Đạt	5.176.258.577	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại và Đầu tư xây dựng Hưng Thịnh	2.186.166.584	-
Đại Lý Thành Công	1.096.885.301	-
Công ty TNHH MTV Đại Huy Hùng	1.348.494.910	1.092.921.280
Công ty Cổ phần Sản xuất Cơ khí và Thương mại Trường Yên	-	881.875.318
Người mua trả trước khác	3.713.731.202	2.698.188.712
Cộng	13.663.413.049	4.847.929.690

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	918.042.825	1.979.201.915
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG - Trích trước lãi trái phiếu phải trả	918.042.825	1.979.201.915
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.371.683.511	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.371.683.511	-
Cộng	2.289.726.336	1.979.201.915

5.19 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	77.755.858	-
Ông Nguyễn Việt Hà - Tiền cổ tức phải trả	38.877.929	-
Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Tiền cổ tức phải trả	38.877.929	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	2.712.405.465	2.004.726.950
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	-
Kinh phí công đoàn	1.261.122.858	1.162.151.730
Bảo hiểm y tế, xã hội, thất nghiệp	1.336.379.427	777.672.040
Các khoản phải trả khác	64.903.180	64.903.180
Cộng	2.790.161.323	2.004.726.950

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

	30/06/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
5.20 Vay và nợ thuê tài chính						
5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>	141.061.215.940	141.061.215.940	130.520.927.373	124.990.779.755	135.531.068.322	135.531.068.322
Ngân hàng TMCP						
ĐT và PT VN (i)	19.327.263.778	19.327.263.778	21.329.263.778	20.477.079.490	18.475.079.490	18.475.079.490
Ngân hàng TMCP						
Hàng hải VN	-	-	-	12.900.000.000	12.900.000.000	12.900.000.000
Ngân hàng TMCP						
VN Thịnh Vương (ii)	81.733.952.165	81.733.952.165	99.191.663.595	91.613.700.262	74.155.988.832	74.155.988.832
Ngân hàng Việt Nam						
Thương Tín (iii)	39.999.999.997	39.999.999.997	10.000.000.000	3	30.000.000.000	30.000.000.000
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	2.484.827.912	2.484.827.912	4.969.655.824	2.484.827.912	-	-
Ngân hàng TMCP						
VN Thịnh Vương (ii)	2.484.827.912	2.484.827.912	4.969.655.824	2.484.827.912	-	-
Ngân hàng TMCP						
Quốc tế VN (iv)	45.416.664	45.416.664	90.833.328	45.416.664	-	-
Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (v)	73.500.000	73.500.000	147.000.000	73.500.000	-	-
<i>Nợ thuê tài chính là các tổ chức và cá nhân khác</i>	134.052.000	134.052.000	268.104.000	134.052.000	-	-
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV						
Ngân hàng Công thương VN (vi)	134.052.000	134.052.000	268.104.000	134.052.000	-	-
Cộng	143.799.012.516	143.799.012.516	135.996.520.525	127.728.576.331	135.531.068.322	135.531.068.322

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2023			01/01/2023		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	31.535.803.507	31.535.803.507	-	6.872.093.152	38.407.896.659	38.407.896.659
Ngân hàng VN Thịnh Vượng (ii)	21.122.568.495	21.122.568.495	-	4.969.655.824	26.092.224.319	26.092.224.319
Ngân hàng TMCP Quốc tế VN (iv)	340.625.012	340.625.012	-	90.833.328	431.458.340	431.458.340
Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (v)	903.250.000	903.250.000	-	193.500.000	1.096.750.000	1.096.750.000
Ngân hàng TMCP Quân đội (vii)	9.169.360.000	9.169.360.000	-	1.618.104.000	10.787.464.000	10.787.464.000
Nợ thuê tài chính	5.405.470.000	5.405.470.000	-	878.274.000	6.283.744.000	6.283.744.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương VN (vi)	5.405.470.000	5.405.470.000	-	878.274.000	6.283.744.000	6.283.744.000
Trái phiếu phát hành (viii)	43.495.101.012	43.495.101.012	635.515.152	3.800.000.000	46.659.585.860	46.659.585.860
Trái phiếu thường Phát hành theo mệnh giá trái phiếu GKM/H2124001	43.495.101.012	43.495.101.012	635.515.152	3.800.000.000	46.659.585.860	46.659.585.860
Cộng	80.436.374.519	80.436.374.519	635.515.152	11.550.367.152	91.351.226.519	91.351.226.519

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.20.3 Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính

(i) Bao gồm các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam như sau:

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/4561378/HĐTD ngày 28 tháng 06 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng);
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - Thời hạn vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
 - Biện pháp đảm bảo: Một số máy móc thiết bị thuộc sở hữu của đơn vị;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 9.369.613.700 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong vòng 1 năm tiếp theo là: 9.369.613.700 VND.

(2) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2022/16590460/HĐTD ngày 15 tháng 09 năm 2022 của Công ty Cổ phần Nhóm Khang Minh và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng;
- Biện pháp đảm bảo: Được đảm bảo bởi tài sản thế chấp của bên thứ ba là ông Trần Hưng Dũng. Tài sản thế chấp là Căn hộ chung cư Số T060511 thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA696080, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS23475;

Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 9.975.650.078 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong vòng 1 năm tiếp theo là: 9.975.650.078 VND.

(ii) Bao gồm 04 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng như sau:

(1) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 090222-7797329-01-SME ngày 08 tháng 03 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, L/C phục vụ sản xuất kinh doanh đá ốp lát cao cấp;
- Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Thời hạn vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Biện pháp đảm bảo: Quyền sử dụng đất và hệ thống nhà xưởng gắn liền với đất tại Thửa đất số 112, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số DA 613530;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 16.748.880.336 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong vòng 1 năm tiếp theo là: 16.748.880.336 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.20.3 Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- (2) Khoản vay theo Hợp đồng số 010322-7797329-01-SME ngày 08 tháng 03 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản như sau:
- Hạn mức tín dụng: 26.000.000.000 VND (Hai mươi sáu tỷ đồng);
 - Lãi suất: Theo từng kế ước nhận nợ;
 - Thời hạn vay: 72 tháng;
 - Biện pháp đảm bảo: Quyền sử dụng đất và hệ thống nhà xưởng gắn liền với đất tại thửa đất số 112, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA613530;
 - Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 19.729.865.152 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong kỳ tới là: 2.076.827.912 VND.
- (3) Khoản vay theo Hợp đồng số 180322-7797329-01-SME ngày 22 tháng 03 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản như sau:
- Số tiền vay: 4.897.531.255 VND (Bốn tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu năm trăm ba mươi hai nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng);
 - Thời hạn vay: 72 tháng;
 - Lãi suất: Lãi suất thả nổi;
 - Mục đích vay: Cho vay hoàn vốn máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc dự án đầu tư nhà máy sản xuất tấm ốp lát nhân tạo Conslab Thạch Anh;
 - Biện pháp đảm bảo: Một số máy móc thiết bị thuộc sở hữu của đơn vị và Quyền sử dụng đất và nhà xưởng gắn liền với đất tại Thửa đất số 112, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: Thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với số đất DD 180780;
 - Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 3.877.531.255 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong kỳ tới là: 408.000.000 VND.
- (4) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 110523-7797367-01-SME ngày 16 tháng 05 năm 2023 của Công ty Cổ phần Nhóm Khang Minh và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với các điều khoản như sau:
- Hạn mức tín dụng: 65.000.000.000 VND (Sáu mươi lăm tỷ đồng);
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - Thời hạn vay: 12 tháng;
 - Biện pháp đảm bảo: Được đảm bảo bởi tài sản thế chấp của bên thứ ba là Công ty Cổ phần Khang Minh Group. Tài sản thế chấp là: Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng Khang Minh thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE640009, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CS01640;
 - Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 64.985.071.829 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong vòng 1 năm tiếp theo là: 64.985.071.829 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.20.3 Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(iii) *Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số PTH.DN.01171122 ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội với các điều khoản như sau:*

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Thời hạn vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
- Biện pháp đảm bảo: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 15 lô C2, khu đô thị Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 39.999.999.997 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong vòng 1 năm tiếp theo là: 39.999.999.997 VND.

(iv) *Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 357893821 ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy với các điều khoản như sau:*

- Số tiền: 545.000.000 VND (Năm trăm bốn mươi lăm triệu đồng);
- Mục đích vay: Mua xe ô tô Hyundai Mighty, biển số 90C-114.10;
- Lãi suất: Lãi suất thả nổi;
- Thời hạn vay: Từ ngày 22/09/2021 đến ngày 22/09/2027;
- Biện pháp đảm bảo: Xe ô tô Hyundai mighty, biển số 90C-114.10.
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 386.041.676 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong vòng 1 năm tiếp theo là: 45.416.664 VND.

(v) *Bao gồm 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam như sau:*

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng Số KMQ00022/HĐCV ngày 31 tháng 9 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch với các điều khoản như sau:

- Số tiền: 735.000.000 VND (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng);
- Mục đích vay: Bổ sung vốn mua ô tô cho Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh;
- Lãi suất: 9,1%/năm;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Biện pháp đảm bảo: Xe ô tô Vinfast LUX SA 2.0, biển số 51K-326.59;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 612.500.000 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong vòng 1 năm tiếp theo là: 73.500.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.20.3 Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(2) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số NKM00022/HĐCV ngày 24 tháng 05 năm 2022 của Công ty Cổ phần Nhóm Khang Minh và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 465.000.000 VND (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng);
- Mục đích vay: Vay đầu tư mua sắm tài sản;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Biện pháp đảm bảo: Được đảm bảo bởi tài sản thế chấp là: Ô tô TOYOTA biển số 90A-179.43.
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 364.250.000 VND.

(vi) **Khoản nợ thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng Thương mại Công thương Việt Nam bao gồm:**

(1) Hợp đồng số 01.063/2021/TSC-CTTC ngày 02/06/2021 của Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh với các điều khoản như sau:

- Giá trị tài sản cho thuê: 520.000.000 VND (Năm trăm hai mươi triệu đồng);
- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 9,5%/năm;
- Thời hạn cho thuê: 48 tháng;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 212.404.000 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong kỳ tới là: 53.112.000 VND.

(2) Hợp đồng số 01.064/2021/TSC-CTTC ngày 02/06/2021 của Công ty Cổ phần Đá Thạch Anh Khang Minh với các điều khoản như sau:

- Giá trị tài sản cho thuê: 809.600.000 VND (Tám trăm linh chín triệu sáu trăm nghìn đồng);
- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 9,5%/năm;
- Thời hạn cho thuê: 48 tháng;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 323.730.000 VND, trong đó nợ gốc vay phải trả trong kỳ tới là: 80.940.000 VND.

(3) Khoản nợ thuê tài chính theo hợp đồng thuê tài chính số 01.138/2021 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Nhóm Khang Minh với các điều khoản như sau:

- Giá trị tài sản cho thuê: 9.112.285.600 VND (Chín tỷ một trăm mười hai triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn sáu trăm đồng);
- Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất thả nổi;
- Thời hạn cho thuê: 60 tháng;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 5.003.388.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.20.3 Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(vii) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 18908.22.770.9356015 ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Công ty Cổ phần Nhóm Khang Minh và Ngân hàng TMCP Quân đội với các điều khoản như sau:

- Hạn mức tín dụng: 12.804.577.128 VND (Mười hai tỷ tám trăm lẻ tư triệu năm trăm bảy mươi nghìn một trăm hai mươi tám đồng);
- Mục đích vay: Vay đầu tư mua sắm tài sản;
- Thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Biện pháp đảm bảo: Được đảm bảo bởi tài sản thế chấp là bao gồm:
 - Dây chuyền máy móc thiết bị theo Sale Contract số WG ST2021.4.7-001 ngày 07/04/2021;
 - Dây chuyền máy móc thiết bị theo Equipment Contract số CHN-XXK21-04-13 ngày 13/04/2021;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/06/2023 là: 9.169.360.000 VND.

(viii) Chi trái phiếu phát hành tại Công ty Cổ phần Khang Minh Group như sau:

	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu thường						
Phát hành trái phiếu theo mệnh giá GKMH2124001	43.495.101.012	12,60%	3 năm	46.659.585.860	12,60%	3 năm
Cộng	43.495.101.012			46.659.585.860		

- Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 10.000.000 VND/ trái phiếu;
- Tổng khối lượng phát hành trái phiếu: 10.000 trái phiếu tương đương 100.000.000.000 VND;
- Lãi suất cố định 12,60%/năm. Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng, ngày phát hành 20/09/2021; ngày đáo hạn: 20/09/2024;
- Kỳ hạn thanh toán lãi: Trả lãi định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định hiện hành;
- Tiến gốc thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn;
- Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.21 Vốn chủ sở hữu**5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không KS VND	Cộng VND
Năm 2022					
Số dư tại ngày 01/01/2022	238.139.000.000	8.556.059.091	43.289.165.864	7.923.741.310	297.907.966.265
Tăng trong năm trước	-	-	18.060.758.487	14.900.050.121	32.960.808.608
Lãi trong năm			18.060.758.487	200.050.121	18.260.808.608
Tăng do góp vốn				14.700.000.000	14.700.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2022	238.139.000.000	8.556.059.091	61.349.924.351	22.823.791.431	330.868.774.873
Kỳ này					
Số dư tại ngày 01/01/2023	238.139.000.000	8.556.059.091	61.349.924.351	22.823.791.431	330.868.774.873
Tăng trong kỳ	23.813.400.000	-	2.825.198.580	(63.376.474)	26.575.222.106
Lãi trong kỳ	-	-	2.825.198.580	(63.376.474)	2.761.822.106
Tăng vốn trong kỳ (i)	23.813.400.000	-	-	-	23.813.400.000
Giảm trong kỳ	-	(90.000.000)	(23.813.400.000)	(77.755.858)	(23.981.155.858)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	-	-	(23.813.400.000)	-	(23.813.400.000)
Cổ tức trả cho CĐKKS	-	-	-	(77.755.858)	(77.755.858)
Chi phí phát hành cổ phiếu (i)	-	(90.000.000)	-	-	(90.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2023	261.952.400.000	8.466.059.091	40.361.722.931	22.682.659.099	333.462.841.121

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.21.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(i) Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2021 vào tháng 01 năm 2023 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2022 ngày 19/03/2022, Nghị quyết HĐQT số 06/2022/KM/NQ-HĐQT ngày 31/05/2022, Nghị quyết HĐQT số 12/2022/KM/NQ-HĐQT ngày 28/11/2022, theo đó:

- Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền nhận cổ tức nắm giữ 01 cổ phiếu mới sẽ được hưởng 01 quyền nhận cổ tức;
- Cổ đông sở hữu 10 quyền nhận cổ tức sẽ nhận được thêm 01 cổ phiếu mới, tương đương số số cổ tức đã trả là 23.813.400.000 VND.

Việc chi trả cổ tức được hoàn thành theo Báo cáo kết quả phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức số 01/2023/KM/BCKQ ngày 06/01/2023 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group và Công văn số 203/UBCK-QLCB ngày 13/01/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Theo quyết định số 58/QĐ-SGDHN ngày 15/02/2023 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp nhận cho Công ty Cổ phần Khang Minh Group được niêm yết bổ sung 2.381.340 cổ phiếu tương đương giá trị niêm yết bổ sung là 23.813.400.000 VND theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết kể từ ngày có Quyết định này là 26.195.240 cổ phiếu tương đương tổng giá trị cổ phiếu niêm yết là 261.952.400.000 VND.

5.21.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Ông Đặng Việt Lê	28.030.064.000	25.482.400.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	51.151.701.000	47.317.000.000
Các cổ đông khác	182.770.635.000	165.339.600.000
Cộng	261.952.400.000	238.139.000.000

5.21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	238.139.000.000	238.139.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	23.813.400.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	261.952.400.000	238.139.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	23.813.400.000	-

5.21.4 Cổ phiếu

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.195.240	23.813.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.442.966	23.813.900
+ Cổ phiếu phổ thông	26.195.240	23.813.900
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.195.240	23.813.900
+ Cổ phiếu phổ thông	26.195.240	23.813.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

5.21.5 Phân phối lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Lợi nhuận đầu kỳ chưa phân phối	61.349.924.351	43.289.165.864
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.825.198.580	9.601.566.234
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	-
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận được phân phối trong kỳ	64.175.122.931	52.890.732.098
Phân phối các quỹ và chia lợi nhuận, trong đó:	(23.813.400.000)	-
- Chia cổ tức	(23.813.400.000)	-
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	40.361.722.931	52.890.732.098

5.22 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

	30/06/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	100,00	100,00

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	60.055.142.359	40.718.421.719
Doanh thu bán bán thành phẩm	144.971.029.671	77.105.561.986
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.833.818	599.897.200
Cộng	205.028.005.848	118.423.880.905

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa	57.160.263.831	30.628.282.757
Giá vốn bán thành phẩm	115.044.313.176	52.365.715.197
Giá vốn dịch vụ	-	174.924.087
Cộng	172.204.577.007	83.168.922.041

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.136.278.715	1.572.283
Lãi do hoạt động chuyển nhượng vốn	-	4.500.000.000
Cộng	7.136.278.715	4.501.572.283

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	15.004.814.051	10.259.202.050
Chi phí phát hành, lưu ký trái phiếu	635.515.152	-
Lãi chậm trả nhà cung cấp	-	425.122.617
Chi phí tài chính khác	-	582.181.818
Cộng	15.640.329.203	11.266.506.485

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	5.376.444.974	4.343.634.711
Chi phí vật liệu, bao bì	682.567.113	396.377.840
Chi phí công cụ dụng cụ đồ dùng	76.781.626	134.434.244
Chi phí khấu hao TSCĐ	476.366.991	681.991.798
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.080.367.432	5.463.654.746
Chi phí khác bằng tiền	641.049.792	263.041.667
Cộng	8.333.577.928	11.283.135.006

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.108.252.940	2.828.229.504
Chi phí vật liệu quản lý	-	10.620.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	142.267.496	181.273.149
Chi phí khấu hao TSCĐ	270.832.903	264.606.506
Thuế, phí và lệ phí	39.076.999	58.786.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.055.385.525	939.108.162
Chi phí bằng tiền khác	2.526.054.616	488.363.808
Cộng	10.141.870.479	4.770.987.230

6.7 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Thu nhập khác	3.011	23.989.158
Cộng	3.011	23.989.158

6.8 Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Các khoản phạt	305.310.684	119.142.454
Lãi chậm trả nhà cung cấp	550.198.573	-
Chi phí khác	142.201.848	230.470.218
Cộng	997.711.105	349.612.672

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

6.9 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	-	1.462.908.023
Chi phí thuế TNDN tại các Công ty con	2.232.437.471	1.144.967.945
Cộng thuế TNDN ước tính phải nộp	2.232.437.471	2.607.875.968

6.10 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(148.037.725)	(115.897.651)
Cộng thuế TNDN hoãn lại	(148.037.725)	(115.897.651)

6.11 Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.825.198.580	9.601.566.234
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.825.198.580	9.601.566.234
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	26.129.457	23.813.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	5.238.997	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	108	403
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	90	403

6.12 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	122.292.648.359	61.051.947.116
Chi phí nhân công	12.494.947.427	22.736.999.046
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	143.922.960	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.316.290.792	6.707.219.445
Thuế, phí và lệ phí	114.746.904	119.146.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.500.477.109	9.945.609.437
Chi phí khác bằng tiền	8.455.959.787	2.066.825.018
Cộng	156.318.993.338	102.627.746.966

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	130.758.760.701	146.555.333.712
Cộng	130.758.760.701	146.555.333.712

7.2 Số tiền thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	129.605.668.507	98.166.452.448
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	3.800.000.000	-
Cộng	133.405.668.507	98.166.452.448

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty :

A. Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách			
	01/01/2023		30/06/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền & tương đương tiền	52.552.027.931	-	12.849.630.931	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	217.777.126.792	-	296.796.599.670	-
Các khoản cho vay	90.000.000.000	-	99.770.000.000	-
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	-	2.200.000.000	-
Cộng	363.329.154.723	-	411.616.230.601	-

B. Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách	
	01/01/2023	30/06/2023
	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	47.798.765.948	57.052.770.267
Chi phí phải trả	1.979.201.915	2.289.726.336
Vay và nợ	229.222.708.981	224.235.387.035
Cộng	279.000.676.844	283.577.883.638

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày 01/01/2023	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tiền & tương đương tiền	52.552.027.931	-	-	52.552.027.931
Phải thu khách hàng, phải thu khác	217.529.626.792	247.500.000	-	217.777.126.792
Các khoản cho vay	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	270.081.654.723	90.247.500.000	3.000.000.000	363.329.154.723
Tại ngày 30/06/2023	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tiền & tương đương tiền	12.849.630.931	-	-	12.849.630.931
Phải thu khách hàng, phải thu khác	296.549.099.670	247.500.000	-	296.796.599.670
Các khoản cho vay	9.770.000.000	90.000.000.000	-	99.770.000.000
Đầu tư dài hạn	-	-	2.200.000.000	2.200.000.000
Cộng	319.168.730.601	90.247.500.000	2.200.000.000	411.616.230.601

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày 01/01/2023	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	47.798.765.948	-	-	47.798.765.948
Chi phí phải trả	1.979.201.915	-	-	1.979.201.915
Vay và nợ	135.531.068.322	91.351.226.519	-	226.882.294.841
Cộng	185.309.036.185	91.351.226.519	-	276.660.262.704
Tại ngày 30/06/2023	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác	57.052.770.267	-	-	57.052.770.267
Chi phí phải trả	2.289.726.336	-	-	2.289.726.336
Vay và nợ	143.799.012.516	80.436.374.519	-	224.235.387.035
Cộng	203.141.509.119	80.436.374.519	-	283.577.883.638

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023		Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022	
	Tiền lương VND	Thù lao VND	Tiền lương VND	Thù lao VND
Hội đồng Quản trị				
Đặng Việt Lê	264.768.000	264.768.000	264.588.000	264.588.000
Nguyễn Việt Hà	-	-	144.534.000	-
Tổng cộng	264.768.000	264.768.000	409.122.000	264.588.000
Ban kiểm soát				
Nguyễn Thị Thu Trang	157.050.000	157.050.000	112.104.000	112.104.000
Cao Thị Thương	839.900	839.900	65.255.300	65.255.300
Tổng cộng	157.889.900	157.889.900	177.359.300	177.359.300
Ban Tổng Giám đốc				
Bùi Thế Nam	-	-	181.518.000	181.518.000
Nguyễn Việt Hà	173.850.000	173.850.000	-	-
Tổng cộng	173.850.000	173.850.000	181.518.000	181.518.000

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách các bên liên quan khác

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	Hà Nội	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư HG	Hà Nội	Công ty nhận đầu tư

Giao dịch với các bên liên quan

Chi phí hoạt động tài chính	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 VND	Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 VND
Lãi vay phải trả các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	2.897.837.753	4.402.693.726
Cộng	2.897.837.753	4.402.693.726
Mua hàng hóa dịch vụ		
Công ty Cổ phần chứng khoán APG	-	3.327.000.000
Cộng	-	3.327.000.000
Giao dịch khác		
Thu tiền từ các bên liên quan khác	800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư HG - Thu hồi tiền vốn đã đầu tư	800.000.000	-
Trả tiền cho các bên liên quan khác	7.759.000.000	6.229.693.726
Công ty Cổ phần chứng khoán APG - Trả tiền dịch vụ	-	1.827.000.000
Công ty Cổ phần chứng khoán APG - Trả gốc trái phiếu	3.800.000.000	-
Công ty Cổ phần chứng khoán APG - Trả lãi trái phiếu	3.959.000.000	4.402.693.726

Công nợ với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

9.2 Thông tin về bộ phận*Theo lĩnh vực kinh doanh*

Chỉ tiêu	Sản xuất đá ốp lát cao cấp và kính doanh VLXD		Sản xuất kim loại màu và kim loại quý		Hoạt động khác		Điều chỉnh và loại trừ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần										
Doanh thu thuần cho bên thứ ba	93.932.371.338		111.093.800.692		2.773.089.818		-		207.799.261.848	
Doanh thu thuần giữa các bộ phận					(2.771.256.000)		-		(2.771.256.000)	
Tổng doanh thu thuần	93.932.371.338		111.093.800.692		1.833.818		-		205.028.005.848	
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Khấu hao tài sản cố định	4.199.316.337		1.176.157.386		1.544.823.189		-		6.920.296.912	
Thu nhập/(lỗ) trước thuế theo bộ phận (1)	12.296.611.361		5.117.860.071		(3.619.954.283)		553.463.285		14.347.980.434	
Tổng tài sản (2)	163.917.777.721		151.579.340.052		108.652.761.530		(3.662.622.107)		420.487.257.196	
Tổng nợ phải trả (3)	10.868.647.532		30.896.446.587		34.098.891.845		(3.569.016.780)		72.294.969.184	
(1) Lợi nhuận của từng bộ phận không bao gồm những khoản mục sau:										
Doanh thu tài chính	3.491.186.191		215.918		11.782.795.746		(8.137.919.140)		7.136.278.715	
Chi phí tài chính	6.746.526.324		4.969.162.251		4.296.500.790		(371.860.162)		15.640.329.203	
Thu nhập khác	3.011		-		-		-		3.011	
Chi phí khác	352.962.097		19.418.710		625.330.298		-		997.711.105	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

Theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**(2) Tài sản của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những tài sản này được quản lý tập trung:**

	VND	Sản xuất đá ốp lát cao cấp và kính doanh VLXD	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	Hoạt động khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Phải thu về cho vay ngắn hạn	25.244.000.000	-	-	-	(15.474.000.000)	9.770.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	20.725.130.775	12.554.853.455	12.554.853.455	83.088.928.617	(646.583.302)	115.722.329.545
Thuế GTGT được khấu trừ	272.039.025	272.039.025	1.661.932.862	24.173.945	-	1.958.145.832
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-	-	7.878.414.348	-	7.878.414.348
Phải thu về cho vay dài hạn	45.000.000.000	-	-	45.000.000.000	-	90.000.000.000
Phải thu về dài hạn khác	31.500.000	31.500.000	216.000.000	-	-	247.500.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	156.044.183.172	(153.844.183.172)	2.200.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	148.037.725	148.037.725
Tổng cộng	91.272.669.800	91.272.669.800	14.432.786.317	292.035.700.082	(169.816.728.749)	227.924.427.450

(3) Nợ phải trả của từng bộ phận không bao gồm các khoản mục sau vì những khoản nợ phải trả này được quản lý tập trung:

	VND	Sản xuất đá ốp lát cao cấp và kính doanh VLXD	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	Hoạt động khác	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.656.288.693	5.656.288.693	315.683.112	10.156.789.165	-	16.128.760.970
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.320.392.324	1.320.392.324	51.291.187	918.042.825	-	2.289.726.336
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	68.856.290.609	68.856.290.609	74.942.721.907	15.474.000.000	(15.474.000.000)	143.799.012.516
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	22.404.275.507	22.404.275.507	14.536.998.000	43.495.101.012	-	80.436.374.519
Tổng cộng	98.237.247.133	98.237.247.133	89.846.694.206	70.043.933.002	(15.474.000.000)	242.653.874.341

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

9.2 Thông tin về bộ phận (tiếp theo)

Theo khu vực địa lý

Công ty Cổ phần Khang Minh Group và các Công ty thành viên đều có trụ sở hoạt động tại tỉnh Hà Nam. Tổng doanh thu và tổng tài sản của các đơn vị trực thuộc Tập đoàn ngoài địa bàn tỉnh chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong Tổng doanh thu và Tổng tài sản của cả Tập đoàn. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

9.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20% vốn điều lệ vào tháng 07 năm 2023 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/KM-2023 ngày 19/05/2022, Nghị quyết HĐQT số 25/2023/KM/NQ-HĐQT ngày 12/06/2023.

Việc chi trả cổ tức được hoàn thành theo Báo cáo kết quả phát hành Cổ phiếu để trả cổ tức số 37/2023/BCKQ - KM ngày 21/07/2023 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group và Công văn số 4981/UBCK-QLCB ngày 26/07/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 85/2016/GCNCP-VSD-7 ngày 04/8/2023 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam: Công ty Cổ phần Khang Minh Group đã đăng ký niêm yết bổ sung 5.238.997 cổ phiếu tương đương giá trị niêm yết bổ sung là 52.389.970.000 VND theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết kể từ ngày thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán là 31.434.237 cổ phiếu tương đương tổng giá trị cổ phiếu niêm yết là 314.342.370.000 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

9.6 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM. Số so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN/HN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2022 của Công ty Cổ phần Khang Minh Group đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được trình bày lại cho phù hợp với kỳ này. Cụ thể như sau:

TT	Khoản mục	Mã số	31/12/2022	01/01/2023 Trình bày lại	Chênh lệch
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	253.018.267.183	250.677.853.043	(2.340.414.140)
II.	Tài sản cố định	220	127.092.170.817	95.583.996.246	(31.508.174.571)
1	Tài sản cố định hữu hình	221	118.383.648.614	86.875.474.043	(31.508.174.571)
	- Nguyên giá	222	174.719.177.531	131.846.763.777	(42.872.413.754)
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(56.335.528.917)	(44.971.289.734)	11.364.239.183
III.	Bất động sản đầu tư	230	-	31.508.174.571	31.508.174.571
	- Nguyên giá	231	-	42.872.413.754	42.872.413.754
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	(11.364.239.183)	(11.364.239.183)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	31.123.263.611	28.782.849.471	(2.340.414.140)
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	31.123.263.611	28.782.849.471	(2.340.414.140)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	634.243.131.212	631.902.717.072	(2.340.414.140)
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300	303.374.356.339	301.033.942.199	(2.340.414.140)
II.	Nợ dài hạn	330	93.691.640.659	91.351.226.519	(2.340.414.140)
	Vay và nợ thuê tài chính				
1.	dài hạn	338	93.691.640.659	91.351.226.519	(2.340.414.140)
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	270	634.243.131.212	631.902.717.072	(2.340.414.140)

Người lập biểu
Hoàng Thị Hải Yến
Hà Nam, Việt Nam
Ngày 29 tháng 08 năm 2023

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Duyên



Chủ tịch hội đồng quản trị
Đặng Việt Lê